

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 06 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số 539/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 02/10/2014)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

Địa chỉ : Số 05 - Thân Cảnh Phúc, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 0511.3674588

Fax : 0511.3674588

Website : visacodn.com.vn

Email: visacodn@gmail.com

* Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông Đoàn Nguyễn Minh Huy

Chức vụ : Trưởng ban kiểm soát

Điện thoại : 0511.3674588

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 06 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : VMI
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 5.400.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 54.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT
Địa chỉ : Phòng 2407 Nhà 34T, Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính,
đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : 04. 22210082 Fax: 04.22210084

MỤC LỤC

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU.....	2
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.....	2
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:.....	2
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về Pháp luật	7
3. Rủi ro đặc thù của ngành	7
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán	8
5. Các rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty	19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	27
6. Hoạt động kinh doanh	28
7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	43
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	46
9. Chính sách đối với người lao động.....	48
10. Chính sách cổ tức	51
11.Các chỉ tiêu tài chính	52
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	59

13. Tài sản	72
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2016.....	73
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết. 78	
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	78
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	79
1. Loại chứng khoán.....	79
2. Mệnh giá	79
3. Mã chứng khoán	79
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	79
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	79
6. Phương pháp tính giá:	80
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	82
8. Các loại thuế có liên quan	82
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	83
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:.....	83
VII. PHỤ LỤC.....	84

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty/ hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của công ty

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển kinh tế và các ngành liên quan

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2011 tăng 6,24%, năm 2012 tăng 5,25% và năm 2013 tăng 5,42%. Bình quân 3 năm, GDP tăng 5,6%/năm. Tuy chưa đạt kế hoạch đề ra ban đầu cũng như chỉ tiêu đã điều chỉnh, song đây là mức tăng có thể chấp nhận được và có phần cao hơn chút ít so với mức bình quân của các nước ASEAN (5,1%/năm trong thời kỳ 2011-2013, theo IMF). Tuy nhiên, điều rất lo ngại là, khu vực sản xuất vật chất có xu hướng giảm dần tốc độ tăng trưởng.

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế chia theo khu vực giai đoạn 2011-2013

Năm	GDP	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2011	6,24	4,02	6,68	6,83
2012	5,25	2,68	5,75	5,90
2013	5,42	2,67	5,43	6,56

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tăng trưởng kinh tế năm 2012, 2013 đạt mức thấp do hầu hết các ngành, lĩnh vực gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Tốc độ tăng của ngành này chậm hơn cùng kỳ năm trước và hoạt động xây dựng giảm dẫn đến tốc độ tăng của khu vực công nghiệp và xây dựng

năm 2013 tăng chậm so với cùng kỳ năm trước, từ đó ảnh hưởng đến mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Tổng cục Thống kê chính thức công bố tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2014 với kết quả tổng sản phẩm trong nước (GDP) nửa đầu năm ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%.

Trong mức tăng 5,18% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,96%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,33%, đóng góp 2,06 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,01%, đóng góp 2,57 điểm phần trăm. Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2014 phát ra những tín hiệu đáng mừng, hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế đều có sự tăng trưởng; nền tảng kinh tế vĩ mô ngày một ổn định vững chắc cho thấy bức tranh kinh tế đang trên đà khởi sắc.

Như vậy nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của các ngành công nghiệp như xây dựng công trình nhà ở dân cư, xây dựng công trình giao thông vận tải... v/v... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung các diễn biến gần đây của nền kinh tế và ngành đang và sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

🚦 Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát:

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước, nên sự thay đổi nào về tỷ giá sẽ ít gây ra những biến động trong sản xuất kinh doanh cho Công ty. Mặt khác, trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm, đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế. Trong ngắn hạn yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những

điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành. Tuy nhiên, trong dài hạn, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và tình hình lãi suất trên thị trường biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra Công ty cũng cần chú ý tới yếu tố lạm phát. Tỷ lệ lạm phát cao làm cho giá đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất. Sự mất giá của đồng tiền làm vô hiệu hoá hoạt động hạch toán kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh - sản xuất ở doanh nghiệp có thể thay đổi, gây ra những xáo động về kinh tế.

2. Rủi ro về Pháp luật

Các công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khai thác khoáng sản, xây dựng, vật liệu xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

🚩 Rủi ro từ điều kiện thiên nhiên

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát chủ quan. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá để đưa ra các biện pháp nhằm giảm rủi ro xuống mức tối thiểu; nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng mỏ khoáng sản, điều kiện thời tiết, nguyên vật liệu đầu vào... Những rủi ro này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguyên liệu đầu ra của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra những biến động của thời tiết như mưa, bão lụt, hạn hán cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

🚧 Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ.

Thời hạn khai thác các mỏ đá Sơn Phước của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Tuy nhiên rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là rất nhỏ do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn cần thiết. Điều đáng quan tâm là rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ; đây là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khai thác mỏ đá và sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn về công nghệ cao, máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại, có độ an toàn cao. Khai thác mỏ là lĩnh vực luôn tiềm ẩn những yếu tố rủi ro cao về con người. Tai nạn sẽ rất dễ xảy ra nếu công ty không có quy trình đảm bảo an toàn lao động tốt đối với người lao động. Chính vì vậy, yếu tố rủi ro về con người trong quá trình vận hành dây chuyền khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng rất cần quan tâm, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ, chịu ảnh hưởng từ kết quả hoạt động sản xuất kinh

doanh của Công ty, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch... Do vậy, cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có khả năng biến động lớn, từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp và các dự án của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại từ phá hủy một phần đến hoàn toàn ...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Trương Thế Sơn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Trần Vĩnh Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Bình Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Đoàn Nguyễn Minh Huy Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO lập. Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý và việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thể hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1/ “Công ty”: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO được thành lập vào ngày 10/06/2007. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400577169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2007 và thay đổi lần 14 ngày 18 tháng 06 năm 2014.

2/ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

8/ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

9/ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

10/ “Ban Tổng Giám đốc”: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

11/ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “Tổ chức niêm yết”: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO.

13/“Tổ chức kiểm toán”:Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

VISACO	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
BKS	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
GD	Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
BGD	Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VSCH	Vốn chủ sở hữu
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số CMND	Số chứng minh nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO**
- Tên giao dịch quốc tế : **VISACO MINERAL AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VMI**
- Địa chỉ : **Số 05 - Thân Cảnh Phúc, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, Việt Nam**
- Điện thoại : **0511.3674588** Fax: **0511.3674.88**
- Logo :



- Website : <http://visacodn.com.vn> Email: visacodn@gmail.com
- Vốn điều lệ đăng ký : **54.000.000.00 VNĐ (Năm mươi tư tỷ đồng).**
- Vốn điều lệ thực góp : **54.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tư tỷ đồng).**
- Ngày trở thành công ty đại chúng: **11/7/2014**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số **0400577169** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày **14 tháng 06 năm 2007** và thay đổi lần thứ **14** ngày **18 tháng 06 năm 2014**.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - ❖ Sản xuất kinh doanh vật liệu, khai thác, cung cấp đá xây dựng.
 - ❖ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác.
 - ❖ Thi công thảm bê tông nhựa nóng.

- ❖ Xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình KTHT khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch...
- ❖ San lấp mặt bằng.
- ❖ Cho thuê xe máy, thiết bị thi công các loại.
- ❖ Đầu tư hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư.
- ❖ Kinh doanh vận tải hàng, kinh doanh xe ô tô.
- ❖ Đào tạo nghề.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO tiền thân là xí nghiệp Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Vinashin - thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Vinashin Miền Trung. Năm 2007, xí nghiệp được cổ phần hoá và có tên là Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro với vốn điều lệ ban đầu là 27 tỷ đồng. Trải qua gần 08 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm kịp thời của Ban lãnh đạo và bám sát với định hướng chiến lược phát triển; công ty đã có những thành công nhất định. Hiện tại, về con người, Công ty đã xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động và nhiệt huyết; về cơ sở vật chất, thiết bị thi công cơ giới được đầu tư đồng bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng sản phẩm và thị phần ngày càng gia tăng.

Do nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, năm 2013 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ đồng lên 54 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu theo. Trong thời kỳ nền kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường bất động sản nói riêng đang có nhiều dấu hiệu phục hồi và có nhiều điểm sáng, đợt phát hành tăng vốn thành công đã giúp công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và đón đầu cho một cơ hội phát triển mới.

Tháng 06 năm 2014, Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro hoàn tất thủ tục đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO, mở ra một bước mới trong chiến lược phát triển kinh doanh của công ty. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng với việc đổi tên và phát triển trên một thương hiệu mới sẽ là điểm nhấn cho việc phát triển lâu dài của Công ty.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị phát hành (Đồng)	Hình thức phát hành
1	14/06/2007	27.000.000.000		Thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinashin Petro theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001476 do Sở KH và ĐT thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14/06/2007.
2	12/2013	54.000.000.000	27.000.000.000	Phát hành riêng lẻ tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1.

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO

Chi tiết đợt tăng vốn như sau:

• ***Cơ sở pháp lý:***

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2013 thông qua phương án phát hành;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2013 thông qua danh sách đăng ký và cơ cấu góp vốn của các cổ đông trong đợt phát hành;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400577169 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 12 năm 2013.

• ***Chi tiết đợt phát hành:***

- + Vốn thực góp trước khi phát hành: 27.000.000.000 đồng
- + Vốn thực góp sau khi phát hành: 54.000.000.000 đồng
- + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- + Ngày hoàn thành: 26/12/2013
- + Số lượng phát hành: 2.700.000 cổ phần
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cp

- + Tổng giá trị phát hành: 27.000.000.000 đồng
- + Số lượng cổ đông: 02 người
- + Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tài sản

Một số hình ảnh về công ty



Trạm trộn bê tông nhựa nóng



Mỏ đá Sơn Phước



Thi công rải bê tông nhựa nóng

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

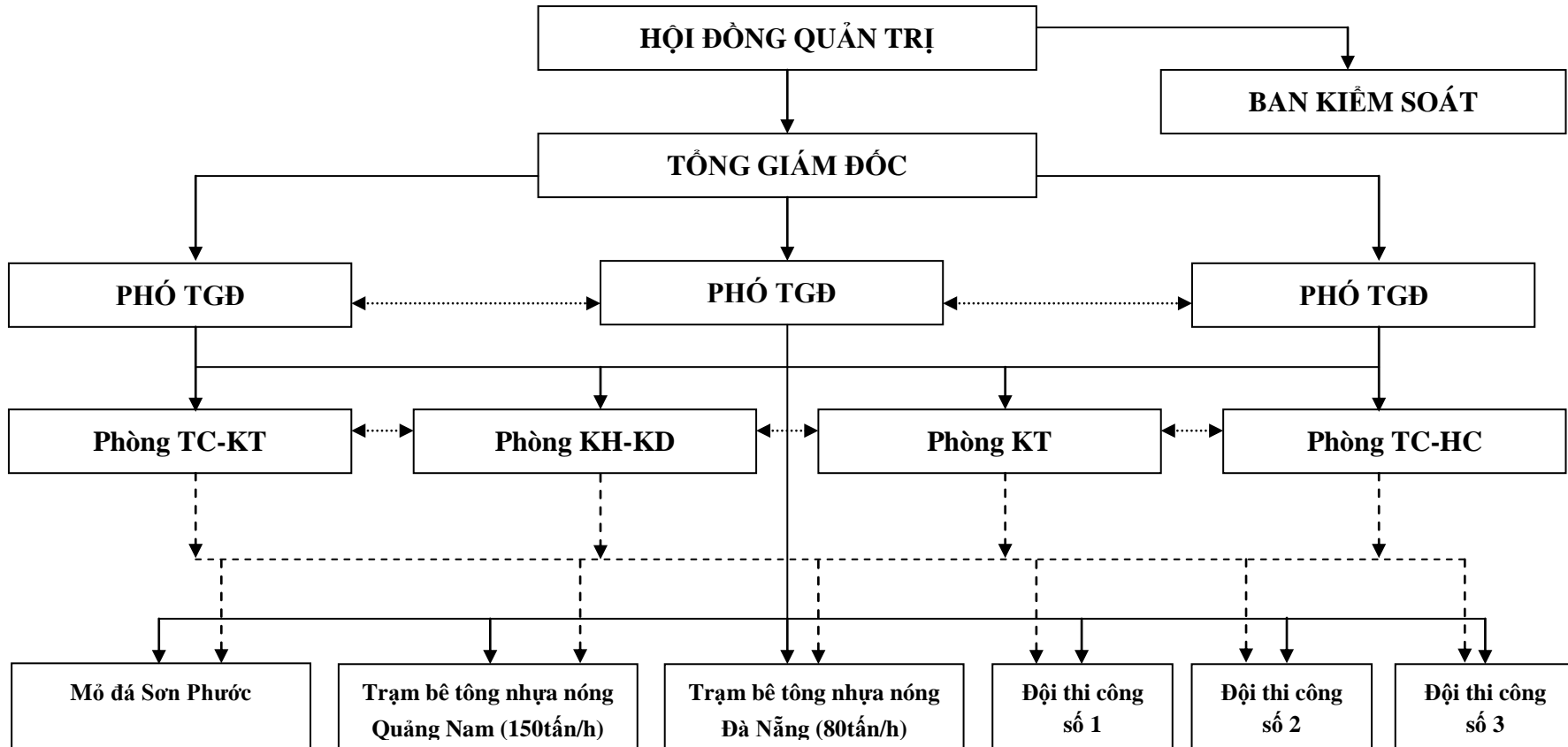
Hiện Trụ sở chính của công ty đặt tại:

- Địa chỉ : Số 05 - Thân Cảnh Phúc, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, Việt Nam
- Điện thoại : 0511.3674588 Fax: 0511.3764588
- Website : <http://visacodn.com.vn> Email: visacodn@gmail.com

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty



Mối quan hệ kiểm soát $\cdots\cdots\cdots\rightarrow$

Mối quan hệ phối hợp \longleftrightarrow

Mối quan hệ trực tuyến \longrightarrow

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

✚ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

✚ Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm năm thành viên; trong đó có bốn thành viên tham gia điều hành và một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kì hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết. Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban tổng giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị cùng với các thông tin của công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

❖ Ông Trương Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT
❖ Ông Phạm Văn Hải	Thành viên HĐQT
❖ Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm KTT
❖ Ông Trần Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT kiêm TGD
❖ Ông Phùng Đại Hải	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD

✚ Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v... Ban Kiểm soát bao gồm 3 thành viên, trong đó có một thành viên độc lập. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên

nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của công ty bao gồm:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ❖ Ông Đoàn Nguyễn Minh Huy | Trưởng ban |
| ❖ Ông Huỳnh Văn Dũng | Thành viên |
| ❖ Ông: Nguyễn Quang Châu | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 2 Phó Tổng Giám đốc. Danh sách Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| ❖ Ông Trần Vĩnh Thành | Tổng Giám đốc |
| ❖ Ông Phạm Linh | Phó Tổng Giám đốc |
| ❖ Ông Phùng Đại Hải | Phó Tổng Giám đốc |

*** Các phòng, ban chức năng:**

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty. Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng, kết hợp với Phòng Kỹ thuật tổ chức công tác nghiệm thu sản phẩm, bàn giao công trình đưa vào sử dụng với chủ đầu tư.

Cung cấp thông tin, dịch thuật tài liệu, phiên dịch cho ban lãnh đạo. Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các phòng ban, phân xưởng đảm bảo sản xuất sản phẩm đúng thời hạn hợp đồng với khách hàng và kịp thời đề xuất những phương án sản xuất hiệu quả nhất.

Lập và phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho các phân xưởng sản xuất. Lập lệnh sản xuất cho các phân xưởng, duy trì và nâng cao nguồn hàng cho Công ty. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác Marketing trong từng thời điểm.

✚ Phòng Tài chính - Kế toán

Chịu trách nhiệm toàn bộ thu chi tài chính của Công ty, đảm bảo đầy đủ chi phí cho các hoạt động lương, thưởng, mua máy móc, vật liệu,... và lập phiếu thu chi cho tất cả những chi phí phát sinh. Lưu trữ đầy đủ và chính xác các số liệu về xuất, nhập theo quy định của Công ty.

Chịu trách nhiệm ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có, lập chứng từ về sự vận động của các loại tài sản trong Công ty, thực hiện các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước. Lập báo cáo kế toán hàng tháng, hàng quý, hàng năm để trình Ban Giám đốc.

Phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ, đúng thời hạn. Theo dõi quá trình chuyển tiền thanh toán của khách hàng qua hệ thống ngân hàng, chịu trách nhiệm quyết toán công nợ với khách hàng. Mở sổ sách, lưu trữ các chứng từ có liên quan đến việc giao nhận.

✚ Phòng Tổ chức - Hành chính

Lập bảng báo cáo hàng tháng về tình hình biến động nhân sự. Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý nhân sự, tổ chức tuyển dụng, bố trí lao động đảm bảo nhân lực cho sản xuất, sa thải nhân viên và đào tạo nhân viên mới. Chịu trách nhiệm soạn thảo và lưu trữ các loại giấy tờ, hồ sơ, văn bản, hợp đồng của Công ty và những thông tin có liên quan đến Công ty. Tiếp nhận và theo dõi các công văn, chỉ thị, quyết định,...

Tổ chức, triển khai, thực hiện nội quy lao động của Công ty, theo dõi quản lý lao động, đề xuất khen thưởng. Thực hiện các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động như lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi...

Phối hợp với phòng kế toán thực hiện về công tác thanh toán tiền lương, tiền thưởng và các mặt chế độ, chính sách cho người lao động, và đóng bảo hiểm xã hội thành phố theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

✚ Phòng Kỹ thuật

Phòng Kỹ thuật, có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng công trình. Thiết kế, triển khai giám sát về mặt kỹ thuật các công trình làm cơ sở để hạch toán, đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế.

Kết hợp với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá, vật tư khi mua vào hoặc xuất ra. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng công trình.

Thiết kế, triển khai thi công công trình. Tổ chức quản lý, kiểm tra công nghệ và chất lượng sản phẩm, tham gia nghiệm thu sản phẩm. Căn cứ hợp đồng kinh tế lập phương án kỹ thuật, khảo sát, lên danh mục, hạng mục cung cấp cho Phòng Kinh doanh để xây dựng giá thành sản phẩm. Quản lý và kiểm tra sản phẩm theo đúng thiết kế liều lượng của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Là bộ phận chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật đối với các sản phẩm thi công.

Tham gia vào việc kiểm tra xác định định mức lao động trong các công việc, các công đoạn sản xuất và xác nhận lệnh sản xuất. Trực tiếp làm các công việc về đăng ký, đăng kiểm chất lượng hàng hóa, sản phẩm thi công tại Công ty. Quản lý chỉ đạo về an toàn kỹ thuật thi công tại công trường.

Kiểm tra xác định khối lượng, chất lượng, kỹ nghệ thuật của công trình làm cơ sở quyết toán và thanh lý hợp đồng kinh tế. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, đảm bảo bí mật công nghệ sản phẩm truyền thống. Nghiên cứu, cải tiến, cập nhật các tiêu chuẩn ngành kịp thời các mặt hàng, sản phẩm của Công ty đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Quản lý các định mức kỹ thuật (mức tiêu hao năng lượng, vật tư và nguyên vật liệu của các sản phẩm..vv..).

Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lớn thiết bị của các đơn vị theo định kỳ. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật các sản phẩm đã sản xuất, giữ gìn bí mật công nghệ. Nghiên cứu xây dựng danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm và định mức kỹ thuật áp dụng trong Công ty.

Theo dõi, đối chiếu các hạng mục trong quá trình sản xuất, thi công, mức tiêu hao vật tư nguyên liệu để làm cơ sở thanh lý hợp đồng kinh tế giữa Công ty với khách hàng.

Trực tiếp báo cáo Ban Tổng giám đốc Công ty về chất lượng, số lượng, các chỉ số hao hụt vật tư, nguyên liệu khi mua vào, xuất ra phục vụ sản xuất. Theo dõi tiêu hao nguyên vật liệu cũng như tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh. Xác nhận về thời gian hoàn thành chất lượng công việc của tất cả các lệnh sản xuất để làm cơ sở thanh toán tiền lương, tiền công cho công nhân.

Mỏ đá Sơn Phước

Ban quản lý tại mỏ đá Phước Sơn trực tiếp triển khai các công việc được giao tại khu sản xuất sản phẩm. Phối kết hợp với các Phòng ban trong Công ty để lên kế hoạch sản xuất kịp thời, nhanh chóng và có hiệu quả nhất.

Báo cáo với Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban có liên quan về kế hoạch nhập vật tư, báo cáo tồn kho để có kế hoạch nhập vật tư, kịp thời. Đảm bảo cung cấp sản phẩm được liên tục theo đúng tiến độ công trình.

Tổ chức khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng quy trình của ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Trực tiếp đôn đốc, giám sát các bộ phận trong khu sản xuất, chế biến thực hiện triệt để các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động. Đảm bảo công tác ATLD trong các khâu sản xuất.

Báo cáo với Ban Tổng giám đốc kịp thời về các vấn đề, sự cố xảy ra tại khu sản xuất, chế biến. Tham mưu với Ban Tổng đốc và phối hợp với các Phòng ban trong Công ty để đưa ra các phương án xử lý sự cố nhanh nhất và hiệu quả nhất

✚ Trạm sản xuất bê tông nhựa nóng Quảng Nam (150 tấn/h) và Đà Nẵng (80 tấn/h)

Trực tiếp triển khai công tác sản xuất bê tông nhựa nóng theo thành phần thiết kế cấp phối đã được đơn vị thí nghiệm độc lập phê duyệt.

Phối kết hợp với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật lập kế hoạch sản xuất phù hợp đảm bảo chất lượng và yêu cầu tiến độ thi công.

Quản lý, vận hành trạm bê tông nhựa nóng theo đúng quy trình vận hành. Đảm bảo công tác an toàn lao động nơi sản xuất, chế biến. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra theo đúng tiêu chuẩn ngành. Phối kết hợp với bộ phận rải thảm bê tông nhựa nóng để đảm bảo yêu cầu về tiến độ thi công công trình. Theo dõi, đối chiếu các mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, kết hợp với Phòng Tài chính - Kế toán làm quyết toán tiêu hao nguyên vật liệu theo từng công trình.

✚ Đội thi công công trình số 1, 2, 3

Các đội thi công công trình bao gồm công nhân vận hành máy và công nhân trực tiếp thi công. Trực tiếp triển khai thi công tại hiện trường, dưới sự điều hành trực tiếp của trưởng Phòng kỹ thuật và các cán bộ kỹ thuật được phân công theo dõi.

Thi công đảm bảo theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật. Đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và theo tiêu chuẩn ngành. Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài sản tuyệt đối cho Công ty tại hiện trường.

Thi công theo đúng quy trình, quy phạm của tiêu chuẩn ngành đảm bảo về yêu cầu tiến độ thi công công trình. Báo cáo kịp thời các sự cố xảy ra tại công trường, tham mưu Phòng kỹ thuật và Ban Tổng giám đốc để khắc phục nhanh chóng và hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 25/08/2014

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CNDKKD/ CMTND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	Toà nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	0043 NH/GP	270.000	5,00%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới	Xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	3300529819	540.000	10,00%
Trương Thế Sơn	212 Thế Lữ - Phường An Hải Bắc - Quận Sơn Trà - Đà Nẵng	183408052	432.000	8,00%
Nguyễn Việt Nhiên	Đường Nguyễn Chánh – quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng	186184435	500.000	9,26%
Tổng cộng			1.742.000	32,26%
<i>(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)</i>				

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập**Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/08/2014**

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng TM Cổ phần Dầu khí Toàn cầu	270.000	5,00%
Phạm Văn Hải	260.000	4,81%
Trương Thế Sơn	432.000	8,00%
Tổng số	962.000	17,81%
<i>(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)</i>		

Công ty được cấp Giấy CNĐKKD lần đầu ngày 14/6/2007, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/08/2014

TT	Danh mục	Số lượng CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>5.400.000</i>	<i>54.000.000.000</i>	<i>100</i>	<i>117</i>
1.1	Cổ đông tổ chức	810.000	8.100.000.000	15	2
1.2	Cổ đông cá nhân	4.590.000	45.900.000.000	85	115
2	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
2.1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2.2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng	5.400.000	54.000.000.000	100	117

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1 Danh sách công ty mẹ: Không có

5.2 Danh sách công ty con: Không có

5.3 Danh sách công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Đất Mới

- Địa chỉ: Số 294/08, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng)

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4603000112 đăng ký lần đầu ngày 15/06/2004 và đăng ký thay đổi lần 8 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3700579317 ngày 28/05/2013 do Sở KH-ĐT Bình Dương cấp.
- Tỷ lệ CTCP Khoáng sản và đầu tư Visaco sở hữu: 44,75% (giá trị 8.950.000.000 đồng)
- Lĩnh vực kinh doanh:
 - Đầu tư kinh doanh các công trình kỹ thuật khu dân, khu công nghiệp (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh). Kinh doanh nhà ở, đất ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
 - Xây dựng thủy lợi, xây dựng cầu đường. Quản lý dự án; giám sát thi công.
 - Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng. San lấp mặt bằng. Mua bán vật liệu xây dựng.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO

6.1.1 Hoạt động khai thác đá xây dựng

Hiện nay Công ty đang thực hiện khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sơn Phước, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với thông tin như sau:

- Giấy phép khai thác: Số 1085/GP-UBND do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/02/2012
- Địa chỉ: Sơn Phước, xã Hoà Ninh, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng
- Diện tích: 9,7 ha
- Trữ lượng: 745.000 m³
- Công suất khai thác: 70.000 m³/năm
- Sản phẩm: Đá xây dựng
- Thời hạn: 8/2015. (Gia hạn 03 năm 1 lần).

Sản phẩm từ hoạt động khai thác bao gồm các loại đá xây dựng 1×2, đá 2×4, đá 4×6, đá cấp phối, Dmax3,75, đá hộc... với đủ loại kích cỡ. Các sản phẩm đá này của công ty

được sản xuất để phục vụ chủ yếu cho hoạt động thi công bê tông nhựa nóng của công ty. Đây chính là điểm lợi thế của công ty so với các doanh nghiệp thi công xây lắp bê tông nhựa nóng khác trong địa bàn do nguồn nguyên liệu đầu vào sẵn có, không phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường. Ngoài ra, sản phẩm đá còn được công ty cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng, các doanh nghiệp xây dựng khác trong địa bàn nhưng khối lượng không nhiều và công ty thường giao hàng tại mỏ khai thác. Doanh thu từ hoạt động này thường chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng doanh thu của công ty. Sản phẩm đá của công ty đã được cung cấp cho một số đối tác như:

- Công ty CP XD & ĐT Đà Nẵng CT
- Công ty CP Nam Vinh
- Xí nghiệp Bê tông Dinco.
- Công ty CP đầu tư phát triển xây dựng Hội An.
- Công ty cổ phần xây dựng công trình 545.
- Công ty xây dựng 532 - Bộ quốc phòng.

Hoạt động khai thác đá tuy không phải là hoạt động đem lại nguồn doanh thu lớn cho công ty nhưng lại là hoạt động rất quan trọng, hỗ trợ cho mảng hoạt động xây lắp của công ty. Sản phẩm đá khai thác được công ty sử dụng làm đầu vào cho hoạt động xây lắp của công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng và phát triển công nghệ kỹ thuật để hoạt động khai thác đá ngày càng an toàn, hiệu quả.

6.1.2 Hoạt động xây dựng

Hoạt động xây dựng là mảng hoạt động chính của công ty. Lĩnh vực hoạt động này bao gồm các hoạt động san lấp mặt bằng, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và thi công thảm bê tông nhựa nóng. Trong đó, hoạt động thi công thảm bê tông nhựa nóng là hoạt động chủ yếu đem lại doanh thu cho công ty. Công ty hiện tại là đơn vị duy nhất trong địa bàn Thành phố Đà Nẵng sở hữu 2 trạm trộn bê tông nhựa nóng. Một trạm trộn với công suất 150 tấn/h được đặt tại Quảng Nam và một trạm trộn bê tông công suất 80 tấn/h được đặt tại Đà Nẵng. Một số công trình tiêu biểu do công ty thi công:

- Khu dân cư Phần Lãng II - Quận Thanh Khê - Tp Đà Nẵng.

- Bệnh viện 600 giường, Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
- Đường DT 602 (Km 9 - Km10,5) - Đường lên Bà Nà
- Khu TĐC Thanh Khê Tây - Thanh Khê - ĐN
- Khu dân cư số 2 Nguyễn Tri Phương - Hải Châu - ĐN
- Cụm KCN Thanh Vinh, KCN Hòa Khánh, ĐN
- Khu dân cư Hòa Hiệp Nam - Liên Chiểu - ĐN
- Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, QNam.
- HTKT khu TĐC số 2 Hòa Ninh, ĐN
- Hạ tầng kỹ thuật KDC phía Nam sân Bay, TPĐN.
- Nâng cấp Quốc lộ 14B đoạn DT604 đến chợ Túy Loan – Đà Nẵng ...

Đây là hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho công ty. Hiện tại hoạt động xây dựng đang được Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư VISACO phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, tập trung nguồn nhân lực, đầu tư trang thiết bị, công nghệ mới. Trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Công ty định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gắn liền với hoạt động xây dựng, mà chủ yếu là hoạt động thi công thăm bê tông nhựa nóng.

6.1.3 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Đồng

T	Chỉ tiêu	Năm 2012	%/ DTT	Năm 2013	%/ DTT	6 tháng đầu năm 2014	%/ DTT
1	Doanh thu bán hàng hóa	-	-	767.302.595	1,42%	-	-
2	Doanh thu bán thành phẩm	1.075.156.817	3,09%	470.000.000	0,87%	772.204.084	2,32%

3	Doanh thu hợp đồng xây dựng	33.725.413.216	96,91%	52.876.955.426	97,71%	32.486.298.369	97,68%
Tổng cộng		34.800.570.033	100%	54.114.258.021	100%	33.258.502.453	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Doanh thu của Công ty phát sinh từ 3 hoạt động là bán hàng hóa, thành phẩm và hoạt động xây dựng, cụ thể:

- Hoạt động xây dựng là thi công rải thảm bê tông nhựa nóng, xây dựng, sửa chữa đường giao thông. Doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm. Năm 2012, doanh thu từ hợp đồng xây dựng đạt 33.725.413.216 đồng, chiếm 96,91% doanh thu thuần. Năm 2013 doanh thu từ hoạt động xây dựng tăng 56,79% so với năm 2012 đạt 52.876.955.426 đồng, chiếm 97,71% doanh thu thuần cả năm 2013. Đây là kết quả khả quan, sau nhiều nỗ lực của công ty từ khâu nhận dự án, thi công, đổi mới thiết bị, quy trình quản lý và chất lượng công trình ngày càng được khẳng định, từng bước chiếm lĩnh thị trường. Trong năm 2013, Công ty đã ký và thực hiện một số hợp đồng xây dựng có giá trị lớn, đưa lại doanh thu chủ yếu cho Công ty như: hợp đồng thi công hạ tầng kỹ thuật Đường trục 51 thuộc dự án khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng (trị giá trên 22 tỷ đồng), hợp đồng thi công bê tông nhựa nóng dự án nâng cấp đường ĐT615 Quảng Nam (trị giá trên 10 tỷ), hợp đồng thi công nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT609 (trị giá trên 16 tỷ đồng), ...

Trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu từ hợp đồng xây dựng của công ty là 32.486.298.369 đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước và bằng 61,44% giá trị thực hiện của năm 2013. Như vậy, có thể thấy hoạt động này của Công ty đang tăng trưởng ổn định và theo đúng định hướng phát triển của Công ty.

- Doanh thu bán thành phẩm: Là doanh thu từ hoạt động bán các sản phẩm đá xây dựng. Doanh thu từ hoạt động này chiếm một tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu doanh thu của công ty. Năm 2012 doanh thu bán thành phẩm đạt 1.075.156.817 đồng chiếm 3,09% tổng doanh thu. Từ năm 2013, do định hướng của Công ty là tập trung phát triển và mở rộng hoạt động xây dựng, chỉ cung cấp đá thành phẩm cho một số đối tác có mối quan hệ

chiến lược nên doanh thu bán thành phẩm luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu thuần, cụ thể năm 2013 doanh thu này chỉ đạt 470.000.000 đồng, chiếm 0,87% doanh thu thuần và sáu tháng đầu năm 2014 là 772.204.084 đồng, chiếm 2,32% doanh thu thuần.

- Doanh thu bán hàng hóa: Là doanh thu từ bán nguyên vật liệu bê tông nhựa nóng. Năm 2013 doanh thu từ hoạt động này đạt 767.302.595 đồng, chiếm 1,42% doanh thu thuần, 6 tháng đầu năm 2014 không phát sinh doanh thu từ hoạt động này do hiệu quả kinh doanh thấp.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2012	LN gộp /DTT	Năm 2013	LN gộp/DTT	6 tháng đầu năm 2014	LN gộp/DTT
1	LN gộp bán hàng hóa	-	-	(8.212.241)	-0,015 %	-	-
2	LN gộp bán thành phẩm	208.616.817	0,60%	178.000.000	0,33%	19.722.534	0,06%
3	LN gộp hợp đồng xây dựng	4.904.079.952	14,09%	6.956.504.980	12,86%	5.213.613.122	15,68%
Tổng cộng		5.112.696.769	14,69%	7.126.292.739	13,175%	5.233.335.656	15,74%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Cũng như cơ cấu doanh thu, cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty đã phản ánh đúng với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế hiện nay cũng như phù hợp với chiến lược phát triển của công ty. Trong các năm qua, doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty đã có sự tăng trưởng khá. Lợi nhuận gộp chủ yếu đến từ hoạt động xây dựng, bình quân hàng năm chiếm trên 95% tổng lợi nhuận gộp. Năm 2012 lợi nhuận gộp từ hợp đồng xây dựng đạt 4,9 tỷ đồng, năm 2013 do doanh thu tăng trưởng nên lợi nhuận gộp từ hoạt động này tăng 41,84%, đạt trên 6,9 tỷ đồng. Sáu tháng đầu năm 2014 lợi nhuận gộp từ hợp đồng xây dựng mang lại là 5,3 tỷ đồng.

6.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu: Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào và máy móc thiết bị đều được công ty lấy từ các nguồn cung cấp trong và ngoài nước, tất cả các hợp đồng được ký kết

căn cứ vào nhu cầu sản xuất thực tế, dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường cung ứng và tổ chức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh. Trong hoạt động thi công bê tông nhựa nóng, nguyên vật liệu chính là đá xây dựng. Nhờ lợi thế sở hữu và khai thác mỏ đá Sơn Phước nên hoàn toàn chủ động nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Chính vì vậy, khác với các công ty cùng ngành khác, nguyên vật liệu từ bên ngoài của công ty nhập về chủ yếu là các phụ liệu để sản xuất bê tông nhựa nóng như nhựa đường, dầu mazut, nhũ tương nhựa đường, cát đúc,....

Bảng 8: Danh sách các nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà Cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm
1	Công ty TNHH Phương Nam Hải	Tổ 20- phường An Khê- quận Thanh Khê-TP Đà Nẵng	Vận chuyển hàng hóa, cung cấp đá
2	Công ty TNHH TM&DV Hùng Tiến	Tổ 16- phường Khuê Trung- quận Cẩm Lệ- TP Đà Nẵng	Vận chuyển hàng hoá, cát đúc
3	Công ty TNHH cung ứng nhựa đường ADCo	Tầng 8 tòa nhà số 2A Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, TP HN	Cung cấp nhựa đường đặc nóng 60/70
4	Chi nhánh hợp doanh sản xuất và ứng dụng nhũ tương nhựa đường BACHCHAMBARD	Số 27 Bùi Chát, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Cung cấp nhũ tương nhựa đường, nhựa pha dầu MC70, MC30
5	Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại quốc tế (ICT)	Lô 02-9A Khu công nghiệp Q Hoàng Mai- p.Hoàng Văn Thụ-Q Hoàng Mai-HN	Nhựa đường lỏng
6	Công ty TNHH Nam Giang	374 Nguyễn Lương Bằng- quận Liên Chiểu- TP Đà	Cung cấp dầu mazút FO

STT	Tên nhà Cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm
		Năng	
7	Công ty DNTN SX-TM-VT Huỳnh Sơn	621 Điện Biên Phủ- TP Đà Nẵng	Cung cấp vật tư bê tông nhựa, cát, đá
<i>(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)</i>			

Sự ổn định của các nguồn cung cấp: Nguyên liệu chính cho hoạt động công ty là đá xây dựng, là sản phẩm mà công ty khai thác trực tiếp được nhờ sở hữu quyền khai thác mỏ đá Sơn Phước. Chính vì thế, nguồn nguyên liệu đầu vào của công ty luôn ổn định và ít chịu biến động từ giá thành của nguyên liệu đá xây dựng. Các phụ liệu khác cho hoạt động thi công bê tông nhựa nóng công ty phải nhập bên ngoài, nhưng chính bởi đây không phải là nguyên liệu chính nên mức ảnh hưởng của các nguồn nguyên liệu nhập bên ngoài này đến hoạt động sản xuất của công ty không lớn. Đây là một lợi thế rất lớn của công ty so với các công ty khác cùng ngành.

6.3. Chi phí sản xuất

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 9: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2013			6 tháng đầu năm/ 2014		
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	29.687.873.264	89,02	85,31	46.987.965.282	92,28	86,83	28.025.167.797	94,55	84,27
Chi phí bán hàng	–			–			–		
Chi phí QLDN	2.079.775.671	6,24	5,97	2.793.912.524	5,49	5,16	1.057.665.947	3,57	3,18
Chi phí tài chính	1.580.579.915	4,74	4,54	1.139.460.837	2,23	2,11	556.935.512	1,88	1,68
Tổng	33.348.228.850	100	95,82	50.921.338.643	100	94,10	29.639.769.256	100	89,11
<i>(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)</i>									

Chi phí sản xuất của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần, tỷ lệ chi phí sản xuất trên doanh thu thuần năm 2012, 2013 tương ứng là 95,82% và 94,10%. Nguyên nhân cơ bản là do trong hai năm qua, công ty đang trong quá trình đầu tư, mở rộng sản xuất dẫn tới phát sinh nhiều chi phí. Sáu tháng đầu năm, với chính sách quản lý chi phí chặt chẽ, hơn nữa hoạt động của công ty đã dần đi vào ổn định sau giai đoạn đầu tư, mở rộng sản xuất, do đó tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần đã giảm xuống còn 89,11%.

Về cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, bình quân chiếm khoảng 85% tổng chi phí sản xuất hàng năm. So với năm 2012, năm 2013, chi phí giá vốn tăng tương ứng 58,27% do doanh thu năm 2013 tăng trưởng mạnh. Ngoài ra, chi phí quản lý, chi phí tài chính chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu chi phí cũng như doanh thu thuần.

Công ty không phát sinh chi phí bán hàng, nguyên nhân là do: Với những hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, Công ty chủ yếu tập trung khai thác đá các loại phục vụ cho hoạt động sản xuất, thi công rải thảm bê tông nhựa nóng, chỉ cung cấp đá với khối lượng ít ra ngoài cho một số đối tác có mối quan hệ chiến lược với công ty và công ty thường giao hàng tại nơi sản xuất. Do đó không phát sinh chi phí bán hàng hóa, bán thành phẩm. Còn đối với hoạt động sản xuất và thi công rải thảm bê tông nhựa nóng, toàn bộ các dự án Công ty đã và đang thi công đều qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo qui định của Nhà Nước về Luật xây dựng. Các chi phí phát sinh khi vận chuyển đá từ mỏ tới nơi thực hiện công trình của nhà thầu đều được Công ty điều chỉnh trong giá dự thầu hoặc giảm giá trong báo giá.

Hiện tại, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng đơn vị, bộ phận.

6.4. Trình độ công nghệ

Bảng 10: Danh sách máy móc thiết bị chính

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (Chiếc)	Xuất xứ
----	-----------------------	---------------------	---------

1	Trạm nghiền đá TDSU 135	01	Việt Nam
2	Trạm nghiền đá HUYNDAI 180 (Tấn/h)	01	Hàn Quốc
3	Trạm trộn bê tông nhựa nóng ASPHALT công suất 60-80 (tấn/h)	01	Việt Nam
4	Trạm trộn bê tông nhựa nóng ASPHALT công suất 150 (tấn/h)	01	Mỹ
5	Xe rải thảm bê tông nhựa VOGELE 1700	01	Đức
6	Xe rải thảm bê tông nhựa VOGELE 1800	01	Đức
7	Xe rải thảm bê tông nhựa SUMITOMO	01	Nhật
8	Máy kính vĩ NIKON NE20S	01	Nhật
9	Xe đào bánh lốp DAEWOO SOLAR-130W	01	Hàn Quốc
10	Xe đào bánh xích KOMATSU PC200-3	02	Nhật
11	Xe san gạt MITSUBISHI LG-2H	01	Nhật
12	Xe lu rung YZ 14 JC	01	Trung Quốc
13	Xe lu tĩnh SAIKA KD 7610	01	Nhật
14	Xe ủi MITSUBISHI BD2F	01	Nhật
15	Xe HUYNDAI tải ben	07	Hàn Quốc
16	Xe lu 9 bánh SAKAI	01	Nhật
17	Xe lu 11 bánh WATANABE	01	Nhật
18	Xe tưới nhựa đường KIA-BOXER	01	Hàn Quốc
19	Xe lu bánh thép 8tấn Ferguson	02	Mỹ
20	Xe xúc lật CATERPILAR 920	01	Mỹ
21	Máy nén khí khai sơn Trung Quốc 3.5/5	01	Trung Quốc
22	Máy khoan hơi Trung Quốc YT 2	01	Trung Quốc
<i>(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)</i>			

Hiện nay các máy móc, trang thiết bị mà Công ty đang sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất được sản xuất trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Các loại máy móc, thiết bị tương đối hiện đại, hiện đang chạy với 80-90% công suất ban đầu, đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.

Để đảm bảo cho tất cả máy móc, thiết bị của Công ty tham gia vào sản xuất đạt hiệu quả cao, Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo nhiều cấp, công việc này được tiến hành nghiêm ngặt theo từng ngày và định kỳ.



Xe rùa rải thảm BTNN bánh xích



Xe rùa rải thảm BTNN bánh lốp



Xe lu 9 bánh lốp SAKAI



Lu tĩnh SAIKAI KD 7610 bánh thép



Lu rung YZ 14 J



Xe xúc lật CATERPILAR 920-950



Máy nén khí thổi bụi 3.5/5



Máy xúc bốc hàng lên tàu hỏa



Xe vào nhận bê tông tại trạm trộn



Dàn xe vận chuyển bê tông nhựa nóng HUYUNDAI tải ben



Xe ô tô nấu và tưới nhựa KIA - BOXER

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở điều tra khảo sát thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty đã nghiên cứu tìm hiểu các nhu cầu mới của khách hàng, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng cải tiến kỹ thuật mới tiên tiến trong và ngoài nước. Tìm kiếm các nhu cầu khác nhau của từng khách hàng để có cách thức triển khai mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Với mục tiêu đó, Công ty đã thành lập Ban nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tập hợp những cán bộ nòng cốt trong và ngoài nước, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng giám đốc, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty đã thành lập Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS), đây là bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn, ngoài ra, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách chất lượng tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

KCS kiểm tra lấy mẫu ngẫu nhiên để đưa vào đo lường các thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật được kiểm tra dựa trên tiêu chuẩn quy định riêng của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam. Các thông số kiểm tra được lưu trữ hồ sơ bằng văn bản và nhật ký sản xuất theo mỗi đợt bán thành phẩm và đợt sản phẩm xuất xưởng.

Việc kiểm tra trong từng công đoạn được hiện cụ thể như sau:

- Kiểm tra chất lượng nguyên liệu quặng nguyên khai, lập cơ sở dữ liệu đánh giá chất lượng hàm lượng quặng.
- Kiểm tra kích cỡ quặng sau các quá trình nghiền đập, tuyển vít xoắn, tuyển trọng lực, đảm bảo chất lượng quặng tuyển trước khi đưa vào hệ thống hòa trộn và tuyển tinh bằng hóa chất.
- Kiểm tra thông số kỹ thuật của hỗn hợp quặng, nước và hóa chất sau mỗi mẻ trộn, đảm bảo chất lượng đầu ra và có sự điều chỉnh phù hợp.
- Kiểm tra chất lượng hàm lượng kim loại tinh luyện trong quá trình thiêu kết và luyện kim loại, phân loại sản phẩm đầu ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra theo đúng quy chuẩn

6.7. Hoạt động Marketing

Với phương châm “An toàn - Chất lượng - Hiệu quả”, trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín không

chỉ tại thị trường Đà Nẵng mà các tỉnh lân cận cũng đánh giá rất cao sản phẩm và dịch vụ của công ty.

Năm 2014, công ty quyết định đổi tên thành Công ty Cổ phần khoáng sản và Đầu tư VISACO, đồng thời bắt đầu xây dựng một thương hiệu mới thay thế cho thương hiệu công ty vẫn sử dụng trước đây. Đây là một bước đi chiến lược của ban lãnh đạo công ty để quyết tâm mở ra một thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh marketing và phát triển thị trường. Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng với việc giữ vững phương châm hoạt động đã đề ra, thương hiệu VISACO sẽ trở thành một trong số các thương hiệu mạnh nhất trong khu vực về thi công bê tông nhựa nóng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu của công ty chưa thực hiện đăng ký bản quyền

6.9. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

TT	Tên đơn vị	Thời gian thực hiện	Công trình	Giá trị HD (VNĐ)
1	Công ty cổ phần XDHT Trung Nam	Năm 2014 (6 tháng đầu năm thực hiện 15%)	HTKT đường trục 51m thuộc dự án Khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng	22.361.432.310

2	Công ty TNHH MTV Hòa Châu	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Viện phát triển bền vững vùng Trung Bộ	3.252.904.493
3	Công ty CP Long Việt	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Đường nội bộ Trường đại học TDTT	4.423.400.000
4	Tổng công ty XDCTGT 5 – CTCP	Giai đoạn 2014 – 2017	Thi công Bê tông nhựa nóng BTNC 12,5 và BTNC 19	119.350.000.000
5	Tổng công ty xây dựng công trình hàng không ACC	Năm 2014 (Quý 3/2014 đã thực hiện xong giai đoạn 1, 35%)	Thi công đường thuộc cảng hàng không quốc tế ĐN	39.102.775.000
6	Xí nghiệp đường sắt Thanh Hóa	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Cầu vượt đường sắt Ngô Sỹ Liên GD2	2.500.000.000
7	Công ty cổ phần xây lắp 3 Petrolimex	Năm 2014 (6 tháng đầu năm thực hiện xong 30%)	Đường nội bộ kho xăng dầu	3.000.000.000
9	Công ty TNHH An Thịnh Quế Sơn	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Đường nội bộ KCN Quế Sơn	1.700.000.000
10	Xí nghiệp hàng không ACC Đà Nẵng	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Khu dân cư Quân đội PKKQ	2.100.000.000
11	Công ty cổ phần Đất Quảng	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Đường DT 603	2.100.000.000

12	Công ty cổ phần Chân Mây	Năm 2014 (Đã thực hiện xong)	Đường du lịch Lăng Cô	1.900.000.000
13	Công ty TNHH Đại Hồng Tín	Năm 2014 (6 tháng đầu năm thực hiện xong 35%)	Khu B Hòa Xuân KDC Cẩm Lệ	7.000.000.000
14	Công ty cổ phần 579	Năm 2014 (6 tháng đầu năm thực hiện xong 50%)	KĐT Phú Mỹ An	4.200.000.000
Tổng cộng				212.990.511.803

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm (từ 2012 đến 2013) và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 11:

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng giảm 2013 so với 2012	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng tài sản	62.223.315.735	84.939.694.768	36,51%	90.712.623.728
2	Vốn chủ sở hữu	25.074.539.322	54.719.125.156	118,23%	57.017.058.371
3	Doanh thu thuần	34.800.570.033	54.114.258.021	55,50%	33.258.502.453
4	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	1.459.218.123	3.196.855.482	190,08%	3.619.238.179
5	Lợi nhuận khác	(257.590.417)	(154.985.726)	-	(389.954.720)

6	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.201.627.706	3.041.869.756	153,15%	3.229.283.459
7	Lợi nhuận sau thuế	1.201.627.706	2.644.585.834	120,08%	2.433.051.060
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân	4,79%	6,62%	-	-
<i>(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)</i>					

Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2013 tăng mạnh so với năm 2012 là do trong năm 2013 công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ đồng lên 54 tỷ đồng theo hình thức nhận vốn góp bằng tài sản.

So với năm 2012, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 đã có sự tăng trưởng đáng kể, doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng tương ứng là 55,5% và 120,08% so với kết quả đạt được của năm 2012 do trong năm 2013 công ty đã ký kết, thực hiện được nhiều hợp đồng xây dựng có giá trị lớn và chi phí tài chính giảm 27,9%, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng 34% so với năm 2012.

Lợi nhuận khác phát sinh trong năm 2012, 2013 lần lượt là -257 triệu đồng và -154 triệu đồng là do công ty thanh lý tài sản cố định và trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.

Với việc đầu tư mở rộng sản xuất trong năm 2013, năm 2014 công ty bước đầu đã thu được những kết quả rõ rệt. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần đạt 33,26 tỷ đồng, xấp xỉ bằng doanh thu cả năm 2012 và bằng 61,43% doanh thu năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 2,4 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với lợi nhuận sau thuế của năm 2012 và bằng 92% lợi nhuận sau thuế năm 2013. Trong kỳ, công ty phát sinh khoản lợi nhuận khác (-389 triệu đồng) là do công ty phân bổ giá trị tài sản cố định ngừng sử dụng vào chi phí.

Về tỷ lệ cổ tức, do Công ty đang trong quá trình đầu tư, phát triển nên trong các năm qua Đại hội đồng cổ đông đã quyết định không thực hiện chia cổ tức mà giữ lại để tái đầu tư.

7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014

Những khó khăn cơ bản:

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:

Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Ngành công nghiệp xây dựng nhìn chung vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, kéo theo đầu ra cho sản phẩm vật liệu xây dựng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua.

Nguồn vốn đầu tư:

Hiện tại, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty chưa đủ lớn để đáp ứng đầy đủ các kế hoạch, dự án đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng quy mô lớn, Công ty cần tích cực phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh và tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho kế hoạch phát triển giai đoạn tới.

Công nghệ thiết bị:

Công nghệ hiện tại của Công ty mới chỉ ở mức độ phổ thông, chưa cập nhật được trang thiết bị máy móc tiên tiến nhất. Trong chiến lược phát triển lâu dài của mình, Công ty có chiến lược nâng cấp công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Những thuận lợi cơ bản:

Thị trường tiêu thụ:

Ngày 24/11/2013 Bộ giao thông vận tải động thổ xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi dài gần 140km với tổng mức vốn đầu tư hơn 1,4 tỷ USD....Đồng thời các tuyến đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh lộ, quốc lộ đang được các tỉnh lên kế hoạch xây dựng và hoàn thiện (Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng...). Kèm theo đó, hàng

loạt những con đường tại khu vực miền trung đang được nhà nước tập trung cải tạo, xây dựng góp phần tạo động lực phát triển kinh tế cho khu vực miền Trung.

Thành phố Đà Nẵng cũng đang tiến hành quy hoạch và xây dựng hàng loạt các khu dân cư, khu đô thị như Đảo Xanh, DAEWON Đa Phước, ECORICO Đà Nẵng, Hoà Xuân, ThienPark. Đây sẽ là một thuận lợi lớn cho ngành nghề cung cấp vật liệu xây dựng và thi công thảm bê tông nhựa của VISACO.

– **Nguồn lực sản xuất:**

Có nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định: VISACO với lợi thế có mỏ đá Sơn Phước nên hoàn toàn chủ động trong việc mua nguyên liệu đầu vào cho hoạt động thi công bê tông nhựa (Đầu vào chủ yếu là đá xây dựng). Mỏ đá Sơn Phước của VISACO không chỉ đủ cung cấp nguồn nguyên liệu cho chính công ty, mà còn được bán ra ngoài cho các đơn vị khác. VISACO là đơn vị duy nhất sở hữu tới 2 trạm trộn bê tông, 80 tấn và 150 tấn trong khi các đối thủ cạnh tranh khác đa phần chỉ có 1 trạm.

Mỏ đá Sơn Phước, nguồn cung cấp nguyên liệu chính có vị trí nằm ngay sát trạm trộn bê tông của VISACO cũng là một lợi thế lớn so với các đối thủ khác.

– **Sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương:**

Sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, ban ngành địa phương nơi triển khai hoạt động khai thác và chế biến sản phẩm của Công ty là điểm tựa và động lực để doanh nghiệp thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của mình, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung của địa phương

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

VISACO đã có gần 08 năm hình thành, phát triển và xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực thi công bê tông nhựa nóng tại khu vực các tỉnh Miền Trung. Hiện tại công ty là một trong những công ty mạnh nhất trong lĩnh vực này tại khu vực mà công ty đang thi công, thị phần của công ty chiếm khoảng 30% tại thị trường các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Huế ... và các tỉnh lân cận.

Nếu so sánh với những doanh nghiệp khai thác khoáng sản và rải thảm bê tông nhựa khác trong ngành. Công ty vẫn là một doanh nghiệp có truyền thống và kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều loại máy móc, thiết bị, quy trình mới nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những đề án phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Đà Nẵng tạo điều kiện tối đa về mọi mặt.

8.1. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Báo cáo dự đoán tăng trưởng kinh tế toàn cầu 40 năm tới của Willem Buiter, nhà kinh tế hàng đầu của Citigroup, đăng trên tờ Thư tín hàng ngày (Anh) mới đây cho biết 11 nước đang phát triển sẽ là những đầu tàu tăng trưởng kinh tế thế giới, gồm Việt Nam, Bangladesh, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Iraq, Mông Cổ, Nigeria, Philippines và Sri Lanka.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 của Chính phủ, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi nhanh sau khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Năm 2013, đạt 5,4%, bình quân 3 năm 2011-2013 đã tăng 5,6%/năm, tuy còn thấp hơn mức 7,2% giai đoạn 2006-2010 ; đưa quy mô nền kinh tế đạt gần 176 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người khoảng 1.960 USD. Dự kiến, GDP năm 2014 tăng khoảng 5,8% và năm 2015 tăng 6%.

Cùng với sự tăng trưởng GDP hàng năm vẫn duy trì ở mức cao, những năm gần đây sản lượng khai thác, chế biến vật liệu xây dựng bắt đầu tăng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp giấy phép thăm dò, khai thác và chế biến đá. Đá luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Với nhu cầu xây dựng nhà cửa, khu đô thị, công trình giao thông vận tải thì ngành khai thác và chế biến vật liệu xây dựng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

8.2. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Công nghiệp khai thác và chế biến vật liệu xây dựng có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi xây dựng nhiều công trình nhà ở, giao thông vận tải; nhờ đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ đạt kết quả khả quan. Tuy nhiên, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này cũng phải chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách nhà nước như định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế.... Bên cạnh việc chiếm giữ các lợi thế về nguồn mỏ, nguồn tài chính, ...các công ty khai thác mỏ luôn phải đảm bảo công nghệ khai thác để bảo vệ môi trường. Đứng trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới, cụ thể như:

- Lập quy hoạch phát triển và xin cấp chủ quyền mỏ cho Công ty, xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.
- Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên đá cho từng mỏ khai thác. Thực hiện nghiêm túc an toàn lao động.
- Tiến hành đổi mới nâng cấp công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.

Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

9. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực

Là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Số lượng nhân viên Công ty tăng dần qua các năm với mức lương trung bình ngày càng được cải thiện. Số lượng người lao động tại thời điểm 31/12/2013 là 55 người, chi tiết như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động của Công ty

Đơn vị tính : Người

Tiêu chí	Năm 2013	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ học vấn	55	100
1. Trên đại học	0	0
2. Trình độ đại học	6	10,91%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	2	3,64%
4. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	47	85,45%

(Nguồn: CTCP Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

✚ Chế độ làm việc:

Người lao động làm việc tại công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục lao động các trang thiết bị bảo hộ lao động. Được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc.

✚ Chính sách đào tạo và tuyển dụng:

– Quy định chung:

Quy trình tuyển chọn chung gồm có 03 vòng. Các ứng viên phải vượt qua vòng tuyển chọn hiện tại mới được vào phòng tiếp theo.

– **Lựa chọn hồ sơ:**

Vòng lựa chọn hồ sơ nhằm xem xét tính phù hợp của các hồ sơ ứng viên so với yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng. Tất cả các ứng viên có hồ sơ được lựa chọn sẽ được thông báo lịch thi trắc nghiệm muộn nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.

– **Kiểm tra trắc nghiệm:**

Các môn thi chung: áp dụng cho tất cả các vị trí, bao gồm:

- IQ – Kiểm tra tư duy logic ;
- Tiếng Anh, Tin học;
- Thi chuyên môn theo yêu cầu của từng vị trí.

– **Phỏng vấn:**

Đây là lần gặp gỡ chính thức đầu tiên giữa ứng viên và Công ty. Thông qua buổi phỏng vấn này, Công ty có thêm các thông tin để đánh giá xem ứng viên có thực sự phù hợp với yêu cầu của công việc cần tuyển hay không. Một số vấn đề chính Công ty thường xem xét đến như: Khả năng giao tiếp, khả năng làm việc (độc lập hay theo nhóm) khả năng tổ chức công việc và lập kế hoạch, khả năng tư duy và giải quyết vấn đề, kiểm tra lại một số thông tin trong hồ sơ: Quá trình học tập, kinh nghiệm, kỹ năng... Trong buổi phỏng vấn này, các ứng viên cũng có thể hỏi Công ty các vấn đề liên quan. Tùy từng ứng viên và vị trí có thể có nhiều hơn một buổi phỏng vấn. Ứng viên được lựa chọn sẽ nhận được thông báo trong vòng 10 ngày kể từ ngày phỏng vấn.

– **Thỏa thuận hợp đồng:**

Các ứng viên được lựa chọn qua vòng phỏng vấn sẽ được hẹn tiếp một buổi để thỏa thuận về hợp đồng lao động và các vấn đề liên quan, bao gồm: loại hợp đồng, công việc, mức lương, thời gian làm việc. Mọi việc tiếp theo được thực hiện theo hợp đồng lao động và hướng dẫn của cán bộ phụ trách trực tiếp và cán bộ Nhân sự

 **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi :**

Tiền lương được thỏa thuận hoặc theo lương khoán tại Công ty, trong đó đã bao gồm mức lương chính đóng BHXH. Tổng quỹ lương của Công ty do Tổng giám đốc trình và Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo cho việc trả lương trong Công ty không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Tiền lương chính của người lao động do hai bên thỏa thuận. Các khoản phụ cấp nếu có thực hiện theo các quy chế của Công ty. Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm quỹ tiền lương tính theo đơn giá lương khoán của người lao động và quỹ tiền lương dự phòng. Trong đó:

Quỹ tiền lương khoán của người lao động do Tổng Giám đốc phê duyệt.

Quỹ tiền lương dự phòng của Công ty (QTLDP), là phần còn lại của quỹ tiền lương thực hiện của Công ty sau khi trừ đi quỹ tiền lương khoán. Quỹ tiền lương dự phòng được dùng để dự phòng cho việc biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; dùng để chi cho người lao động nhân ngày lễ, ngày Tết; hỗ trợ cho các đơn vị để chi trả tiền lương tối thiểu cho người lao động (nếu thiếu).

Căn cứ khả năng đóng góp của người lao động và khả năng tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết nâng lương cho người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm

Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30 % lương của người đảm nhiệm

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo

thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2012, 2013, lợi nhuận sau thuế đạt được chưa cao, do đó ĐHĐCĐ Công ty quyết định giữ lại lợi nhuận để đầu tư cho sản xuất kinh doanh nên không thực hiện chi trả cổ tức.

11. Các chỉ tiêu tài chính

+ Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

+ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được áp dụng theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-35 năm
- Máy móc thiết bị	6- 10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm

+ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

✚ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước.

Bảng 13

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/6/2014
1	Thuế giá trị gia tăng	561.264.923	566.730.749	265.978.046
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.298.063	418.581.985	1.214.814.384
3	Thuế tài nguyên	11.392.700	9.731.600	345.634.753
4	Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	6.670.700	6.116.700	118.752.385
5	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	101.000.000	134.950.000
	Tổng cộng	600.626.386	1.102.161.034	2.080.129.568

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

✚ Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 14: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/6/2014
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	270.235.690

Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	135.117.845
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	135.117.845
Tổng cộng			540.471.380

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

✚ Tổng dư nợ vay

Bảng 15: Tình hình tổng dư nợ vay

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	11.650.000.000	8.435.000.000	9.935.000.000
	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng (*)</i>	<i>9.600.000.000</i>	<i>7.685.000.000</i>	<i>9.185.000.000</i>
	<i>Vay đối tượng khác (**)</i>	<i>1.050.000.000</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
	<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	
2	Vay và nợ dài hạn	87.500.600	-	-
	Tổng cộng	11.737.500.600	8.435.000.000	9.935.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

(*) Vay ngắn hạn ngân hàng: Tính đến 30/6/2014, tổng vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO là 9.935 triệu đồng. Trong đó:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng số 31/2013/HĐTD ngày 24/07/2013 với mức dư nợ tối đa 3.185.000.000 VNĐ.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0025A/2012/HĐTD.410 ngày 26/04/2012 với hạn mức tín

dụng chung 6.500.000.000 VNĐ, thời hạn của hạn mức tín dụng 12 tháng, thời gian tối đa của khoản vay trong hạn mức tối đa không quá 9 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên kế ước nhận nợ mỗi lần rút vốn.

Tất cả vốn vay được Công ty đầu tư vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng trong sản xuất kinh doanh.

(**) Vay ngắn hạn đối tượng khác: Là khoản của Công ty từ cá nhân, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng tồn kho

Bảng 16: Hàng tồn kho

ĐVT: đồng Việt Nam

STT	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1	Hàng tồn kho	11.860.471.666	19.578.765.149	17.770.570.485

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (chiếm trên 85%). Đây là một số công trình mà công ty đang thực hiện thi công. Sau khi hoàn thành công trình, công ty sẽ tiến hành nghiệm thu và kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vào giá vốn công trình.

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 17: Các khoản phải thu

ĐVT: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Phải thu của khách hàng	4.768.921.230	7.816.776.327	13.060.704.471
2	Trả trước cho người bán	16.123.711.227	8.088.708.538	9.261.109.628
3	Các khoản phải thu NH khác	20.922.672.487	10.483.909.629	8.903.316.679
Tổng cộng		41.815.304.944	26.389.394.494	31.225.130.778

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Khoản phải thu các khách hàng mà công ty đã hoàn thành công trình và đã được ký nghiệm thu các bên nhưng chưa đến hạn thanh toán. Thông thường khách hàng sẽ thanh toán sau thời hạn từ 30 – 45 ngày sau khi ký kết nghiệm thu và lập đầy đủ hồ sơ thanh toán

Khoản phải thu ngắn hạn khác, bao gồm:

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Phải thu khác	3.855.841.487	356.297.578	369.198.066
Phải thu tổ chức, cá nhân	17.066.831.000	10.127.612.051	8.534.118.613
- Ông Trương Thế Sơn	6.842.550.000	3.922.542.498	2.329.049.060
- Công ty CP Vinas A Lưới	10.224.281.000	6.205.069.553	6.205.069.553
Cộng	20.922.672.487	10.483.909.629	8.903.316.679

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

- Khoản phải thu ông Trương Thế Sơn tại thời điểm 30/6/2014 số tiền 2.329.049.060 đồng là khoản tạm ứng cho ông để ông đại diện công ty đứng ra làm thủ tục nhận thực hiện một số dự án và hoàn tất các thủ tục trong suốt quá trình thi công dự án và sẽ được ông hoàn ứng sau khi công trình hoàn thành.
- Khoản phải thu Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới: 6.205.069.553 đồng. Trong năm 2013 Công ty đã thực hiện thi công một số công trình cho Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới, cụ thể: Đường lên đỉnh Sơn Trà, công trình khu đô thị số 9 Điện Nam Điện Ngọc, thi công bê tông cầu Năm Ô,... Các dự án này đều thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà Nước, hiện nay Chủ đầu tư đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục để giải ngân nên Công ty cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới chưa thanh toán cho công ty. Tuy nhiên, Công ty có khoản phải trả Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới là: 5.598.278.428 đồng. Hai bên đã làm việc và thống nhất sẽ thanh toán dứt điểm ngay sau khi Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới hoặc cần trừ công nợ trong năm 2014.

Bảng 18: Các khoản phải trả*DVT: đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	11.650.000.000	8.435.000.000	9.935.000.000
2	Phải trả cho người bán	5.736.142.921	11.479.034.742	9.617.912.261
3	Người mua trả tiền trước	10.151.981.259	8.730.712.308	10.947.015.723
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	600.626.386	1.102.161.034	2.080.129.568
5	Chi phí phải trả	677.421.907	-	-
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	135.117.845
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.245.103.340	473.661.528	980.389.960

8	Vay và nợ dài hạn	87.500.600	–	–
	Tổng cộng	37.148.776.413	30.220.569.612	33.695.565.357

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Phải trả cho người bán, chủ yếu là các nhà cung cấp truyền thống đã hợp tác với công ty trong một thời gian dài. Do hoạt động kinh doanh liên tục nên các khoản phải trả người bán với các đối tác này thay đổi liên tục và cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ phải trả. Thông thường, khi hoàn thành 1 hợp đồng xây dựng công ty sẽ thanh toán toàn bộ các khoản phải trả theo hợp đồng cho các đối tác trên. Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển, thực hiện nhiều hợp đồng xây dựng và giá trị hợp đồng ngày càng tăng, do đó khoản phải trả cho người bán cũng tăng qua các năm.

Trong các khoản phải trả, khoản người mua trả tiền trước chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Đây là khoản khách hàng ứng trước theo hợp đồng thi công đã được ký kết trước đó. Là một đơn vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực, hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn phát huy, chú trọng đến điều khoản thanh toán và được nêu rõ trong hợp đồng kinh tế. Do đó công ty luôn chủ động được trong quá trình thi công cũng như công tác đảm bảo tài chính, nguồn vốn trong suốt quá trình thi công và hoàn thiện công trình.

Đầu tư tài chính

Bảng 19: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Đầu tư ngắn hạn	–	–	–
2	Đầu tư dài hạn	–	8.950.000.000	8.950.000.000
	TỔNG	–	8.950.000.000	8.950.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014)

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO nắm giữ 895.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đất Mới, tương đương 44,75% cổ phần của công ty này.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,36
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	1,48	0,55
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,59	1,84
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,27	1,19
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,50	2,99
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản bình quân	%	55,93	73,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,45	4,89
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,79	6,62
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	1,93	3,59
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	5,98	5,91

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**12.1. Danh sách**

 **Danh sách Hội đồng quản trị**

Bảng 21: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ
-----	-----------	---------	-----------------------

1	Trương Thế Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	432.000
2	Trần Vĩnh Thành	TV HĐQT kiêm TGD	10.000
3	Phạm Văn Hải	Thành viên HĐQT	260.000
4	Phùng Đại Hải	Phó Tổng giám đốc	10.000
5	Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT	3.000

 **Danh sách Ban Giám đốc**

Bảng 22: Danh sách Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Trần Vĩnh Thành	Tổng giám đốc	10.000
2	Phạm Linh	Phó Tổng giám đốc	3.000
3	Phùng Đại Hải	Phó Tổng giám đốc	10.000

 **Danh sách Ban Kiểm soát**

Bảng 23: Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Đoàn Nguyễn Minh Huy	Trưởng Ban Kiểm soát	500
2	Huỳnh Văn Dũng	T.viên Ban Kiểm soát	500
3	Nguyễn Quang Châu	T.viên Ban Kiểm soát	500

 **Kế toán trưởng**

Bảng 24

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Văn Bình	Kế Toán Trưởng	3.000

12.2. Sơ yếu lý lịch**Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị**

a/ Ông : TRƯƠNG THẾ SƠN – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 16/10/1970

Số CMTND : 183408052 Ngày cấp: 16/10/2001 tại Công an TP Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : TT Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : 212 Thế Lữ - Phường An Hải Bắc - Quận Sơn Trà - TP Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0511.3674588

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư giao thông

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2006 - 2008	Công ty Bất động sản Vinashin	Kỹ sư
Từ năm 2008 – 2009	CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới	Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc
Từ năm 2009 đến nay	CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Từ năm 2010 - đến nay	CTCP Khoáng sản Vinashin Petro nay là CTCP Khoáng sản và Đầu tư VISACO	Chủ tịch HĐQT
--------------------------	--	---------------

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - CTCP khoáng sản Vinas A Lưới

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 432.000 cp
- Sở hữu đại diện: 540.000 cp của CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới
- Sở hữu của người có liên quan: 540.000 cp

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ
CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	540.000	10%

Các khoản nợ đối với công ty : 2.329.049.060 đồng (tại thời điểm 30/6/2014)

b/ Ông : TRẦN VĂN THÀNH – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 07/02/1962

Số CMTND : 200127997 Ngày cấp: 27/10/2009 tại Công an TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : 169C Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0913404858

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 1987 - 2005	Công ty thủy sản khu vực II Đà Nẵng	Phó GD
Từ năm 2005 - 2012	Công ty cổ phần thủy sản Vân Nam	Phó GD
Từ năm 2013 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Tổng GD

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :10.000 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

c/ Ông : PHẠM VĂN HẢI – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 17/04/1988

Số CMTND : 183639588 Ngày cấp: 28/04/2005 tại Công an TP Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phường Tân Giang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Khối phố 2 - Phường Tân Giang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên lạc : 0985849525

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kiến trúc

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 2012 - 2013	Công ty cổ phần đầu tư tài chính và xây dựng Việt Nam (VFCC)	Ch.viên
Từ năm 2013 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :260.000 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty :Không

d/ Ông :PHÙNG ĐẠI HẢI – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 09/03/1963

Số CMTND : 200081827 Ngày cấp: 22/05/2007 tại Công an TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tân Trại Hạ - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Địa chỉ thường trú : 126 Triệu Nữ Vương - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0905516914

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1992 - 1997	Công ty xây dựng công trình 503	Kỹ sư
Từ năm 1997 - 2007	Công ty công trình đô thị Đà Nẵng	Kỹ sư
Từ năm 2007 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Phó TGD
Từ 4/2014 đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :10.000 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

e/ Ông : LÊ VĂN BÌNH – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 29/03/1975

Số CMTND : 201202103 Ngày cấp: 03/01/2013 tại Công an TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thôn Giáng Nam - Xã Hòa Phước - Huyện Hòa Vang - TP Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú : Số 6 Bình Hòa 1 - Phường Khuê Trung - Quận Cẩm Lệ - Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0983408984

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 – 2005	Công ty xây dựng công trình 567	Kế toán
Từ năm 2005 – 2007	Chi nhánh công ty XDCT 507 tại TP HCM	KTT
Từ năm 2007 – 2008	CTCP Bất động sản 579 EAD	KTT
Từ năm 2008 – nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ, KTT
Từ năm 2013 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	KTT
Từ T4/2014 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :3.000 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 540.000 cổ phần

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ
CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới	Thành viên HĐQT kiêm KTT	540.000	10%

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Danh sách Ban giám đốc

a/ Ông :TRẦN VĨNH THÀNH - Tổng giám đốc

(Sơ yếu lý lịch đã có trong mục Hội đồng quản trị)

b/ Ông :PHÙNG ĐẠI HẢI – Phó Tổng Giám Đốc

(Sơ yếu lý lịch đã có trong mục Hội đồng quản trị)

c/ Ông : PHẠM LINH – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 06/05/1975

Số CMTND : 201465677 Ngày cấp: 16/01/2014 tại Công an TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đồng Hới - Quảng Bình

Địa chỉ thường trú : 143 Lê Độ - Quận Thanh Khê - TP Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0914083378

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
-----------	--------------	---------

Từ năm 2000 - 2002	Xí nghiệp 378 - Công ty Vạn Tường	Kỹ sư
Từ năm 2003 - 2005	Xí nghiệp kinh doanh nhà và xây dựng hạ tầng Đà Nẵng	Kỹ sư
Từ năm 2006 - 2007	Xí nghiệp kinh doanh VLXD CJC	Kỹ sư
Từ năm 2008 - đến nay	Công ty CP khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Phó TGĐ

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó tổng giám đốc Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :3.000 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Danh sách Ban kiểm soát

a/ Ông : ĐOÀN NGUYỄN MINH HUY – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 03/11/1976

Số CMTND : 201242571 Ngày cấp: 18/04/2000 tại Công an TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phường Thạch Thanh - Quận Hải Châu I - TP Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú : K46/9 Nguyễn Thành Hãn,,P.Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu, Đà Nẵng

Số điện thoại liên lạc : 0983820624

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 - 2005	Xí nghiệp kinh doanh nhà và xây dựng hạ tầng Đà Nẵng	Kế toán
Từ năm 2006 - 2007	Xí nghiệp kinh doanh VLXD CJC	KTT
Từ năm 2008 – T4/2014	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro	Phó tổng giám đốc
T4/2014 – nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :500 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

b/Ông : HUỖNH VĂN DỮNG – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1984

Số CMTND : 205115997 Ngày cấp: 22/02/2000 Nơi cấp: Công an Tỉnh

Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Điện Phong - Điện Bàn - Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : Thôn Tân Thành - Xã Điện Phong - Huyện Điện Bàn - Tỉnh Quảng Nam

Số điện thoại liên lạc : 0905 595385

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 2006 - 2009	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 595	Kỹ sư
Từ năm 2009 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Kỹ sư
Từ T4/2014 – đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Thành viên BKS

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :500 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

c/Ông : NGUYỄN QUANG CHÂU – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 16/01/1980

Số CMTND : 201395400 Ngày cấp 23/07/1995 nơi cấp Công an Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Đại Lãnh - Huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Đại Lãnh - Huyện Đại Lộc - Tỉnh Quảng Nam

Số điện thoại liên lạc : 0914 500635

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 2008 - 2010	Công ty cổ phần xây dựng 579	Kỹ sư
Từ năm 2011 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Kỹ sư
Từ T4/2014 - đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Vinashin Petro nay là Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	Thành viên BKS

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Tthành viên Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

Sở hữu cá nhân: :500 cổ phần

Sở hữu đại diện : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lý lịch Kế toán trưởng

Ông : Lê Văn Bình – Kế toán trưởng

(Sơ yếu lý lịch đã có trong mục Hội đồng quản trị)

13. Tài sản

Bảng 25: Danh mục một số TSCĐ chính của Công ty

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013		30/06/2014		
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	% Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	25.205,62	20.103,5	25.205,62	18.824,7	74,68
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.150,5	8.549,91	9.150,5	7.965,7	87,05
2	Máy móc thiết bị	14.441,28	11.373,3	14.441,28	10.730,29	74,30
3	Phương tiện vận tải	811,64	0	811,64	0	0
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	802,2	180,25	802,2	128,75	16,05
II	Tài sản vô hình	–	–	–	–	–

	Tổng cộng	25.205,62	20.103,5	25.205,62	18.824,7	74,68
--	------------------	------------------	-----------------	------------------	-----------------	--------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO).

Trong năm 2013, Công ty nhận vốn góp bằng tài sản cố định với tổng trị giá là 18.050.000.000 đồng.

Hiện tại, công ty đang sử dụng 97.000 m² đất thuê của UBND Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng thuê số 97/HĐ-TĐ ngày 02/03/2010 tại địa điểm xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Mục đích sử dụng đất làm địa điểm sản xuất, khai thác đá xây dựng tại mỏ đá Sơn Phước. Ngoài ra, công ty đang thuê dài hạn tại địa điểm số 05 Thân Cảnh Phúc, phường Cường Hòa Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để làm trụ sở chính cho công ty.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2016

Bảng 26

DVT: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Kế hoạch	% tăng (giảm) so với 2013	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2015
1	Vốn điều lệ	54	0%	54	0%	54	0%
2	Doanh thu thuần	95	75,93	140	47,67%	200	42,86%
3	Lợi nhuận sau thuế	8	196,29%	12	50%	17	41,67%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	8,42 %	-	8,57 %	-	8,50%	-

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Kế hoạch	% tăng (giảm) so với 2013	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2015
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ bình quân	19,75 %	-	22,22 %	-	31,48%	-
7	Tỷ lệ cổ tức	12%	-	15%	-	20%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty)

14.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Năm 2014, thành phố Đà Nẵng triển khai thực hiện nhiều dự án hạ tầng giao thông; xây dựng chiến lược, quy hoạch GTVT; quản lý khai thác kết cấu hạ tầng giao thông... Một số dự án quan trọng mang tính chiến lược trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như: dự án xây dựng nút giao thông tại ngã ba Huế với tổng mức đầu tư hơn 1.957 tỉ đồng từ ngân sách Nhà nước; dự án cầu vượt đường sắt trên tuyến đường sắt Bắc - Nam; triển khai nâng cấp cảng Tiên Sa giai đoạn 2, ... Đây là cơ hội tốt để Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO tìm kiếm các hợp đồng xây dựng, cung cấp nguyên liệu...

Từ những nhu cầu thực tế trên, Ban lãnh đạo công ty tiếp tục định hướng tập trung vào hoạt động sản xuất cốt lõi là sản xuất và thẩm bê tông nhựa nóng, đồng thời phát triển mở rộng thêm các thị trường mới. Công ty cũng tập trung cắt giảm chi phí để quyết tâm đạt được mục tiêu lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ đặt ra. Năm 2014, công ty đã ký kết một số hợp đồng có giá trị lớn như: hợp đồng với Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 5 – Công ty cổ phần (Cienco 5) với giá trị hợp đồng lên tới hơn 119 tỷ đồng, thực hiện trong 03 năm từ 2014-2017, hợp đồng với Tổng Công ty Xây dựng công trình Hàng không ACC với trị giá hợp đồng là trên 39 tỷ đồng thực hiện trong năm 2014 (quý 3 đã hoàn thành giai đoạn 1 với trị giá hơn 14 tỷ đồng) và thực hiện

hợp đồng với CTCP Xây dựng Hạ tầng Trung Nam với trị giá trên 22 tỷ đồng. Theo đó, toàn bộ phần thi công bê tông nhựa nóng của Cienco 5 tại Quảng Nam sẽ được VISACO thi công. Việc ký kết hợp đồng với Cienco 5 đã mở ra cơ hội lớn cho công ty trong việc hoàn thành mục tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đặt ra trong các năm tới. Đồng thời cũng là bước tiến mới của Công ty trong việc phát triển mở rộng thị trường khu vực Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình. Mục tiêu của Công ty là trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong khu vực về thi công bê tông nhựa nóng.

Như vậy, với tiềm lực tài chính, thiết bị nhà xưởng, máy móc đầy đủ, hiện đại cùng với nhiều cơ hội để mang lại nhiều hợp đồng có giá trị lớn. Công ty tin tưởng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2014 là có khả thi.

🚩 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2014:

Bảng 27

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận trước thuế
1	Thảm bê tông nhựa nóng	70.000 (tấn)	90.000	81.700	8.300
2	Khai thác đá làm VLXD	25.000 (m ³)	5.000	3.000	2.000
	Tổng cộng		95.000	84.700	10.300

➤ Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty:

Bảng 28

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Kết quả 6 tháng đầu năm	% đạt được so với kế hoạch
-----	----------	-------------------	-------------------------	----------------------------

1	Doanh thu	95	33,3	35,05%
2	Lợi nhuận sau thuế	8	2,433	30,41%

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

Sáu tháng đầu năm 2014, doanh thu thuần của Công ty là 33,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2,823 tỷ đồng, tương ứng đạt 35,05% kế hoạch về doanh thu và 30,41% kế hoạch lợi nhuận năm 2014.

Sáu tháng cuối năm 2013, là thời gian công ty tập trung triển khai thực hiện các công trình có giá trị lớn của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (Cienco 5), Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC, CTCP XDHT Trung Nam... Dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2014, doanh thu từ các công trình của Cienco 5 đạt 25 tỷ đồng, từ Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC đạt 39 tỷ đồng, từ hợp đồng với CTCP Xây dựng Hạ tầng Trung Nam là 6 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện một số hợp đồng đã ký kết với các đối tác khác trong năm 2014 thể hiện tại bảng hợp đồng lớn đã ký kết tại trang 43 BCB. Do đó, dự kiến doanh thu thực hiện trong năm 2014 sẽ đạt kế hoạch đề ra.

Theo số liệu kế toán tại Công ty, 9 tháng đầu năm 2014 doanh thu thuần đạt 58 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 4 tỷ đồng, tương đương đạt 61,05% và 50% kế hoạch năm 2014. Do đặc điểm trong hoạt động xây dựng, thông thường doanh thu và lợi nhuận các dự án của công ty thu được tập trung chủ yếu các tháng cuối năm, đặc biệt là trong quý 4 hàng năm.

14.2. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

✚ Tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

✚ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong các năm tới, công ty sẽ đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như:

- Lập quy hoạch phát triển và xin cấp chủ quyền mỏ cho Công ty, xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.
- Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên đá cho từng mỏ khai thác. Thực hiện nghiêm túc an toàn lao động.
- Tiến hành đổi mới nâng cấp công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.

- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

+ Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Mã chứng khoán : VMI

4. Tổng số chứng khoán niêm yết : 5.400.000 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 1.259.500 cổ phiếu chiếm 23,32% vốn điều lệ

Bảng 30

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Trương Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT	432.000	216.000
2	Trần Vĩnh Thành	UV HĐQT kiêm TGD	10.000	5.000
3	Phạm Văn Hải	Ủy viên Hội đồng quản trị	260.000	130.000

4	Lê Văn Bình	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	3.000	1.500
5	Phạm Linh	Phó Tổng giám đốc	3.000	1.500
6	Phùng Đại Hải	Phó Tổng giám đốc	10.000	5.000
7	Đoàn Nguyễn Minh Huy	Trưởng Ban Kiểm	500	250
8	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	500	250
9	Nguyễn Quang Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	500	250
10	CTCP Khoáng sản Vinas A Lưới	Cổ đông lớn là người liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty	540.000	270.000
	Tổng		1.259.500	629.750

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO)

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VMI tại các thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 30/06/2014 như sau:

Bảng 31

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	25.074.539.322	54.719.125.156	57.017.058.371

Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	2.700.000	5.400.000	5.400.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	9.287	10.133	10.559

6.2. Phương pháp định giá

✚ Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành khoáng sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

✚ Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành khoáng sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VMI sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 25/08/2014, không có cổ đông nước ngoài nào nắm giữ cổ phiếu của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư VISACO đang đóng các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Cụ thể:

Bảng 32: Các loại thuế phải nộp

Loại thuế	Mức thuế suất mỗi năm
Thuế GTGT	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế tài nguyên	7%
Phí bảo vệ môi trường	1.000 đồng/ m ³
Thuế sử dụng đất	0,03%
Thuế xuất nhập khẩu	10%
Thuế môn bài	3.000.000 đồng



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT

Địa chỉ : Phòng 2407 Nhà 34T Khu Đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính,

đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : 04. 22 210 082

Fax:04. 22 210 084

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD;**
- 2. Phụ lục II : Điều lệ Công ty;**
- 3. Phụ lục III : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, BCTC quý 2 năm 2014.**

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 09 năm 2014

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

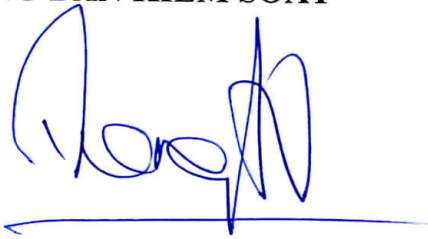
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ VISACO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRƯƠNG THẾ SƠN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



A blue handwritten signature.

ĐOÀN NGUYỄN MINH HUY

TỔNG GIÁM ĐỐC



A blue handwritten signature.

TRẦN VĨNH THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



A blue handwritten signature.

LÊ VĂN BÌNH